

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ
Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đôi tượng đăng ký: ☒ Giảng viên	Giảng viên thỉnh giảng ☐
Ngành: Nông nghiệp – Lâm nghiệp; Môi trường nông lâm nghiệp	Chuyên ngành: Quản lý tài nguyên và

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **BUI VĂN BẮC**
2. Ngày tháng năm sinh: 11/12/1985; Nam ☒ ; Nữ ☐ ; Quốc tịch: Việt Nam;
Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không
3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒
4. Quê quán : Xã Hải Đường, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 9T1, Chung cư Bê Tông, xã Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội
6. Địa chỉ liên hệ: Bùi Văn Bắc, Khoa Quản lý tài nguyên rừng và Môi trường, Trường Đại học Lâm nghiệp, Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Nội
Điện thoại di động: 0866.75.77.85; E-mail: buibac80@gmail.com
7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):
 - Từ 12/2009 đến 12/2010: Tập sự giảng viên tại Bộ môn Bảo vệ thực vật, Khoa Quản lý tài nguyên rừng và Môi trường, Trường Đại học Lâm nghiệp;
 - Từ 12/2010 đến 6/2015: Giảng viên tại Bộ môn Bảo vệ thực vật, Khoa Quản lý tài nguyên rừng và Môi trường, Trường Đại học Lâm nghiệp;
 - Từ 6/2015 đến 5/2019: Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Cologne, CHLB Đức;
 - Từ 8/2019 đến nay: Giảng viên tại Bộ môn Bảo vệ thực vật, Khoa Quản lý tài nguyên rừng và Môi trường, Trường Đại học Lâm nghiệp;

Chức vụ: Hiện nay: Không;

Chức vụ cao nhất đã qua: Không

Cơ quan công tác hiện nay: Bộ môn Bảo vệ thực vật rừng, Khoa Quản lý tài nguyên rừng và Môi trường, Trường Đại học Lâm nghiệp

Địa chỉ cơ quan: Thị Trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 024.33.840.628

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu: chưa

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 16 tháng 07 năm 2007; số văn bằng: 0051177; ngành: Quản lý tài nguyên rừng và Môi trường, chuyên ngành: Quản lý tài nguyên rừng; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Lâm nghiệp, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 24 tháng 11 năm 2010; số văn bằng: 011880; ngành: Quản lý Bảo vệ tài nguyên rừng; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Lâm nghiệp, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 06 tháng 05 năm 2019; số văn bằng: KHÔNG; ngành: Động vật học; chuyên ngành: KHÔNG; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Cologne, CHLB Đức.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Lâm nghiệp

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Nông – Lâm nghiệp

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

(I) Phân loại, đa dạng loài côn trùng chỉ thị;

(II) Đa dạng chức năng sinh thái côn trùng chỉ thị;

(III) Sử dụng côn trùng có ích và quản lý dịch hại lâm nghiệp;

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn **02** HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: **02** cấp cơ sở (vai trò: chủ nhiệm); **01** đề tài cấp bộ (tham gia); **01** đề tài quỹ quốc tế (chủ nhiệm);

- Đang chủ trì **01** đề tài quỹ quốc tế, **01** đề tài cấp cơ sở;

- Đã công bố **35** bài báo khoa học. Trong đó **06** bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín (tác giả chính: **05** bài; tham gia: **01** bài), với **03** công bố tiêu biểu (sau khi tốt nghiệp tiến sĩ, tác giả chính) trên các tạp chí hàng đầu trong chuyên ngành như:

Ecological Indicators (SCI; Impact factor: 4,958), *Ecological Research* (SCI; Impact factor: 1,917) và *Zootaxa* (SCIE; Impact factor: 1,091).

15. Khen thưởng: Không

16. Kỷ luật: Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

a) Tiêu chuẩn của nhà giáo:

Tôi nhận thấy bản thân đáp ứng tốt các tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ đào tạo và đạo đức nghề nghiệp của một giảng viên đại học trong các hoạt động giảng dạy và nghiên cứu, nhận được sự tin tưởng của người học và đồng nghiệp. Bên cạnh đó, tôi thường xuyên tự bồi dưỡng, cập nhật kỹ năng, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ thông qua các lớp bồi dưỡng, sinh hoạt học thuật, hội thảo khoa học.

b) Nhiệm vụ của nhà giáo

Hàng năm, tôi luôn hoàn thành vượt định mức giảng dạy và nghiên cứu khoa học, hoàn thành tốt các nhiệm vụ khác được giao. Chất lượng giảng dạy được đồng nghiệp và người học đánh giá tốt;

Tham gia công tác rà soát, xây dựng và phát triển chương trình đào tạo ngành quản lý tài nguyên thiên nhiên (chương trình tiên tiến), ngành quản lý tài nguyên rừng (bậc thạc sỹ), quản lý tài nguyên rừng ứng dụng (bậc thạc sỹ);

Tham gia hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học; hướng dẫn sinh viên và học viên thực hiện khóa luận, luận văn tốt nghiệp;

Tham gia công tác nghiên cứu khoa học thông qua chủ trì và tham gia thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, và xuất bản các bài báo chuyên ngành;

Tham gia công tác cố vấn học tập, trợ lý chương trình tiên tiến ngành quản lý tài nguyên thiên nhiên;

Tham gia các buổi sinh học chuyên môn, hội thảo khoa học, thực hiện và hoàn thành tốt các nhiệm vụ khác được giao;

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 12 năm 06 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2011-2012					188		188/278/260
2	2012-2013				02	438		438/736/260

3	2013-2014				03	254		254/456/260
4	2014-2015				02	498		498/844/265
03 năm học cuối								
4	2019-2020				03	225		225/344/280
5	2020-2021			01	01	174		174/317/280
6	2021-2022			01	01	225		225/361/280

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học ĐH ☐; Tại nước:; Từ năm đến năm

☐
☒
☐

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH; tại nước: CHLB Đức năm 2019

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh. Môn học: English For Specific Purposes: Insect Conservation (Ngành quản lý tài nguyên thiên – chương trình tiên tiến); Môn học: English For Specific Purposes: Entotourism

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Lâm nghiệp, Việt Nam

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Học và viết luận án Tiến sĩ bằng tiếng Anh. Bằng tốt nghiệp Tiến sĩ do trường Đại học Cologne (CHLB Đức) cấp năm 2019

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Lê Đức Cường		x	x		11/2020-	Trường Đại học Lâm	08/12/2021

					12/2021	ng nghiệp	
2	Nguyễn Đức Thắng		x	x	12/2021-6/2022	Trường Đại học Lâm nghiệp	28/6/2022

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS (trước ngày 6/5/2019)				
1					
II	Sau khi được công nhận TS (sau ngày 6/5/2019)				
1	Nghiên cứu xác định các loài côn trùng chỉ thị cho các kiểu sử dụng đất thuộc hệ sinh thái núi đá vôi ở một số khu vực miền bắc Việt Nam	CN	Cấp cơ sở (Trường Đại học Lâm nghiệp)	1/2020-12/2020	15/12/2020, Xếp loại xuất sắc
2	Xây dựng khóa phân loại bằng hình ảnh cho tất cả các loài thuộc giống Copris Geoffroy, 1762 (Coleoptera: Scarabaeidae) ở Việt Nam	CN	Cấp cơ sở (Trường Đại học Lâm nghiệp)	1/2020-6/2021	07/06/2021, Xếp loại xuất sắc
3	Nghiên cứu xây dựng	Tham gia	Cấp bộ	2020-2021	29/12/2021,

	mô hình ứng dụng công nghệ địa không gian trong dự báo và giám sát dịch sâu róm thông ở khu vực Bắc Trung Bộ				Xếp loại đạt
4	An examination of changes in dung beetles (Coleoptera: Scarabaeidae) along a forest disturbance gradient in karst ecosystems of Cat Ba National Park in Vietnam.	CN	Quỹ quốc tế Nagao Natural Environment Foundation (Tokyo, JP)	7/2020-7/2021	8/2021, hoàn thành

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận Tiến sỹ (trước ngày 6/5/2019)							
1	Two new species and one new record for the genus <i>Copris</i> (Coleoptera: Scarabaeidae: Scarabaeinae) from Vietnam with a key to Vietnamese species.	03	x	European Journal of Entomology; ISSN-online: 1802-8829 ISSN-print: 1210-5759	ISI: SCI/SCIE, IF: 1,225, Q3 theo Scimago		115, 25tr. (167–191)	4/2018
2	Synopsis <i>puluongensis</i> sp. nov. and redescription of <i>S. horaki</i> (Coleoptera: Scarabaeidae), with a key to Vietnamese species.	02	x	Acta Entomologica Musei Nationalis Pragae; ISSN-online: 1804-6487 ISSN-print: 0374-1036	ISI: SCI/SCIE, IF: 0,737, Q2 theo Scimago		58(2), 12tr. (407–418)	9/2018

3	Thành phần côn trùng khu vực Núi Lú, Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Nội.	02		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp; ISSN: 1859-3828			3(2015), 7tr. (78–84)	9/2015
4	Hiệu quả phòng trừ của dịch chiết từ lá xoan (<i>Melia azedarach</i> L.) trong phòng trừ sâu xanh ăn lá trâm (<i>Heortia vitessoides</i> Moore). Nhà xuất bản Nông nghiệp. Hà Nội.	02	x	Báo cáo Hội nghị Côn trùng học Quốc gia lần thứ 8.			4 (2014), 7tr. (337–343)	4/2014
5	Nghiên cứu đề xuất biện pháp vật lý cơ giới trong phòng trừ Sâu róm 4 túm lông (<i>Dasychira axutha</i> Collennette) hại Thông Mã Vĩ – Lộc Bình – Lạng Sơn. .	02		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp. ISSN: 1859-3828			3(2013), 7tr. (46–52)	9/2013
6	Tiềm năng côn trùng kinh tế và các giải pháp khai thác hiệu quả, bền vững tại Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Luông, Thanh Hóa	01	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp. ISSN: 1859-3828			2(2013), 8tr. (52–59)	6/2013
7	Hoạt tính sinh học của các chất chính trong tinh dầu Bạch đàn trồng ở miền Bắc Việt Nam và mối liên hệ với các vấn đề sinh thái.	05		Tạp chí Khoa học Tự nhiên và công nghệ- Đại học Quốc gia Hà Nội; ISSN: 0866-8612			28(4S), 7tr. (146–152)	2012
8	Đánh giá vai trò thiên địch trong rừng trồng thông Mã Vĩ (<i>Pinus massoniana</i> Lamb) tại xã Lợi Bắc, Lộc Bình, Lạng Sơn.	01	x	Thông tin Khoa học Lâm nghiệp ISSN: 1859-3828			2(2011), 10tr. (33–42)	6/2011
9	Các loài bướm quý hiếm tại Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Huống.	02		Báo cáo Hội nghị Côn trùng học Quốc gia lần thứ 7.			7(2011), 6tr. (171–176)	5/2011
10	Côn trùng quý hiếm và các giải pháp bảo tồn	02		Báo cáo Hội nghị Côn			7(2011),	5/2011

	tại Khu Bảo tồn thiên nhiên Phu Canh, Đà Bắc, Hòa Bình.			trùng học Quốc gia lần thứ 7.			7tr. (177–183)	
11	Đa dạng sinh học côn trùng tại Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Huống, tỉnh Nghệ An.	02		Báo cáo Hội nghị Côn trùng học Quốc gia lần thứ 7.			7(2011), 8tr. (184–191)	5/2011
12	Một số kết quả điều tra côn trùng ký sinh, bắt mồi ăn thịt tại Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Huống, tỉnh Nghệ An.	02		Báo cáo Hội nghị Côn trùng học Quốc gia lần thứ 7.			7(2011), 8tr. (192–199)	5/2011
II Sau khi được công nhận Tiến sỹ (Sau ngày 6/5/2019)								
13	Changes in dung beetles along an altitudinal gradient of tropical forests in Pù Hoat Nature Reserve, Nghe An Province.	02	x	Journal of Forestry Science and Technology; ISSN: 1859-3828			13(2022), 7tr. (28–34)	4/2022
14	Indicator values and characteristic dung-beetle species in tropical forests of Cat Ba National Park, Hai Phong Province.	01	x	Journal of Forestry Science and Technology; ISSN: 1859-3828.			13(2022), 9tr. (62–70)	4/2022
15	Thay đổi trong quần xã bươm ngáy qua các kiểu rừng và độ cao khác nhau ở rừng nhiệt đới thuộc Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hoạt, tỉnh Nghệ An.	02	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ lâm nghiệp; ISSN: 1859-3828			2(2022), 10tr. (73–82)	4/2022
16	Changes in taxonomic and functional diversity of dung beetles along a forest disturbance gradient in tropical karst ecosystems on islands of Vietnam.	05	x	Ecological Research; ISSN-online: 1440-1703 ISSN-print: 0912-3814	ISI: SCI/SCIE, IF: 1,917, Q2.		37(2022), 10tr. (1–10)	3/2022
17	Thành phần các loài côn trùng gây hại trong không gian xanh đô thị ở thành phố Saint Petersburg (Liên Bang Nga) và khu vực lân	02		Tạp chí Khoa học và Công nghệ lâm nghiệp. ISSN: 1859-			1(2022), 9tr. (66–74)	2/2022

	cận.			3828				
18	The butterfly fauna of Pu Hoat Nature Reserve, Nghe An Province.	01	x	Journal of Forestry Science and Technology. ISSN: 1859-3828			12(2021), 7tr. (63–69)	12/2021
19	Hiện trạng quần thể và sinh cảnh sống của các loài thú ăn thịt nhỏ vào mùa hè ở Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hoạt, Xã Thông Thụ, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An.	07		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. ISSN: 1859-4581			I(12/2021), 8tr. (98–105)	12/2021
20	Thành phần loài bộ cánh cứng Scarab (Coleoptera: Scarabaeidae) với ba loài nguy cấp tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù hoạt, Nghệ An.	02	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp. ISSN: 1859-3828			6(2021), 9tr. (92–100)	12/2021
21	Bước đầu ghi nhận Xén tóc (Batocera lineolate (Coleoptera: Cerambycidae) gây hại Bạch đàn tại tỉnh Hòa Bình.	06		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp. ISSN: 1859-3828			3(2021), 7tr. (106–112)	5/2021
22	Vai trò của rừng trồng và rừng thứ sinh trong bảo tồn bộ chân chạy tại Vườn Quốc gia Cát Bà, Hải Phòng.	03	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp. ISSN: 1859-3828			2(2021), 10tr. (87–96)	4/2021
23	Thành phần loài và đặc điểm cấu trúc quần xã bướm ăn quả tại các sinh cảnh khác nhau thuộc Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hoạt, Nghệ An.	05	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp. ISSN: 1859-3828			3(2021), 8tr. (57–64)	3/2021
24	So sánh thành phần và tính đa dạng của quần xã bộ hung (coleoptera: scarabaeidae) giữa các kiểu sử dụng đất tại khu vực núi đá vôi thuộc khu dự trữ thiên	02	x	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. ISSN: 1859-4581			I(2021), 9tr. (120–128)	3/2021

	nhiên Hữu Liên, Lạng Sơn.						
25	Topographic Effects on the Spatial Species Associations in Diverse Heterogeneous Tropical Evergreen Forests.	06		Sustainability ISSN: 2071-1050	ISI: SCI/SCIE, IF: 3,251, Q1.	2021,13,2468, 14tr. (1–14)	2/2021
26	Đặc điểm cấu trúc quần xã bộ chân chạy và các loài chỉ thị sinh học cho các kiểu sử dụng đất tại Khu Dự trữ thiên nhiên Hữu Liên, Lạng Sơn.	02	x	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam. ISSN: 1859-0004.		2021.19 (7), 10tr. (853–862)	1/2021
27	Species composition and an identification key to species of the Tribe Coprini Kolbe, 1805 in Puhoat Nature Reserve.	03	x	Journal of Forestry Science and Technology. ISSN: 1859-3828		10(2020), 6tr. (32–37)	11/2020
28	Thay đổi trong cấu trúc quần xã bộ hung Coprini (Coleoptera: Scarabaeidae) theo các mức độ tác động đến sinh cảnh trong hệ sinh thái núi đá vôi tại Vườn Quốc gia PịaOắc.	01	x	Hội nghị Côn trùng học quốc gia lần thứ 10 - năm 2020. ISBN: 978-604-60-3212-0		10/2020, 8tr. (243–250)	10/2020
29	An updated checklist of Copris (Coleoptera: Scarabaeidae) from Vietnam with re-description of the recently recorded species: Copris (s. str.) szechouanicus Balthasar, 1958.	01	x	Hội nghị Côn trùng học quốc gia lần thứ 10 - năm 2020. ISBN: 978-604-60-3212-0		10/2020, 8tr. (251–258)	10/2020
30	Re-description of two new records of Phaeochroops Candèze (Coleoptera, Hybosoridae) for Thanhhoa Province.	01	x	Hội nghị Côn trùng học quốc gia lần thứ 10 - năm 2020. ISBN: 978-604-60-3212-0		10/2020, 5tr. (259–263)	10/2020
31	Vai trò của rừng thứ sinh trong việc bảo tồn	01	x	Tạp chí Khoa học và Công		62(8) 8.2020, 6tr. (13–18)	8/2020

	đa dạng quần xã bọ hung ở hệ sinh thái núi đá vôi Việt Nam.			nghe Việt Nam. ISSN: 1859- 4794.				
32	Checklist of tunnelling dung beetles (Coleoptera: Scarabaeidae) in Lai Chau Province with the first report of new provincial records.	01	x	Journal of Forestry Science and Technology. ISSN: 1859- 3828			9(2020), 9tr. (64–72)	7/2020.
33	Morphological traits reflect dung beetle response to land use changes in tropical karst ecosystems of Vietnam	03	x	Ecological Indicators. ISSN: 1470160X	ISI: SCI/SCIE, IF: 4,958, Q1.		108(2020)105697, 9tr. (1–9)	1/2020
34	Ảnh hưởng của sự thay đổi sử dụng đất đến bọ hung Coprini cư trú trên hệ sinh thái núi đá vôi tại Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Luông.	01	x	VNU Journal of Science: Natural Sciences and Technology. ISSN: 0866- 8612			35(4), 13tr. (42–54)	12/2019
35	Checklist of beetles in the subgenus Copris (Paracopris) Balthasar from Asia with description of a new species, and redescription of Copris (Paracopris) punctulatus Wiedemann (Coleoptera: Scarabaeidae: Scarabaeinae).	03	x	Zootaxa. ISSN-print: 1175-5326 ISSN-online: 1175-5334	ISI: SCI/SCIE, IF: 1,0191, Q2		4712(1), 14tr. (51–64)	12/2019

- Trong đó: Ba (03) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS (sau ngày 6/5/2019): 16, 33 và 35

16. Van Bac Bui, Dung Van Tran, The Doi Bui, Bao Thanh Le & Ming Bai (2022). Changes in taxonomic and functional diversity of dung beetles along a forest disturbance gradient in tropical karst ecosystems on islands of Vietnam. Ecological Research. 37(2022). 10tr. **SCI/SCIE Journal, IF = 1.917, Q2 theo Scimago**). Xuất bản 3/2022. <https://doi.org/10.1111/1440-1703.12308>

33. Van Bac Bui, Thomas Ziegler & Michael Bonkowski (2020). Morphological traits reflect dung beetle response to land use changes in tropical karst ecosystems of Vietnam. Ecological Indicators. 108(2020)105697. 9tr. (**SCI/SCIE Journal, IF = 4,958, Q1 theo Scimago**). Xuất bản 1/2020. <https://doi.org/10.1016/j.ecolind.2019.105697>.

35. Van Bac Bui, Thomas Ziegler & Michael Bonkowski (2019). Checklist of beetles in the subgenus *Copris* (*Paracopris*) *Balthasar* from Asia with description of a new species, and redescription of *Copris* (*Paracopris*) *punctulatus* Wiedemann (Coleoptera: Scarabaeidae: Scarabaeinae). *Zootaxa*. 4712(1). 14tr. (SCI/SCIE Journal, IF = 1,0191, Q2 theo Scimago). Xuất bản 12/2019. <https://doi.org/10.11646/zootaxa.4712.1.3>

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): **Không**

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu : **Không**

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu: **Không**

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: **Không**

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: **Không**

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: **Không**

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Xuân Mai..., ngày 28 tháng 06 năm 2022

NGƯỜI ĐĂNG KÝ


Bùi Văn Bắc